

CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA LÀNG VIỆT CỔ TRUYỀN Ở BẮC BỘ

Tìm hiểu làng Việt cổ truyền, dù cố tình tự hạn chế lại trong vùng đồng bằng và trung du Bắc Bộ, và chủ yếu trong phạm vi cho phép của tài liệu điền dã dân tộc học, là một con đường dài, trên đó tôi đang cố đi nốt chặng đầu: chặng tập hợp tài liệu. Trong hoàn cảnh ấy, không thể đưa ra một mô thức chung, càng không thể trình bày những biến thể khác nhau tại những khu vực khác nhau.

Điều duy nhất làm được trong lúc này là nêu lên, theo một trật tự nào đó (dù có phần vũ đoán), những câu hỏi mà tôi đã vấp phải trong quá trình tìm hiểu trên thực địa, đồng thời thử giải đáp chúng trong khung một bức tranh chung, với điều kiện đừng quên rằng mỗi cố gắng giải đáp chỉ là một giả thuyết làm việc, mà rồi đây người đi điền dã sẽ có dịp thay thế dưới ánh sáng của tài liệu mới.

Một tập hợp những vấn đề, dù được trình bày dưới dạng nào, không phải là một hồ sơ luôn luôn cụ thể, và không khỏi nhắc nhở đến một đề cương, mà tính sơ lược ắt sẽ làm cho nhiều người không vừa lòng. Chính vì thế mà ngay từ giờ người viết

cần đến tất cả tấm lòng rộng lượng của người đọc.

I. MẢNG CƠ CẤU TỔ CHỨC TRONG BỨC TRANH TOÀN CẢNH VỀ LÀNG VIỆT CỔ TRUYỀN

Cơ cấu tổ chức là một khía cạnh của cơ cấu xã hội - chính trị. Nhìn trên một bình diện khác, đây cũng là một thành phần của kiến trúc thượng tầng. Bởi những lý do dễ hiểu, khía cạnh ấy của làng Việt cổ truyền từng được một số tác giả Pháp ở Đông Dương lưu ý, mà lưu ý ngay từ khi công cuộc bình định vùng đất mới chiếm chưa hoàn toàn chấm dứt(1). Tuy nhiên, sống và viết trong không khí học thuật của đoạn cuối thế kỷ trước và đoạn đầu thế kỷ này, không có trong tay một khung quy chiếu nào lớn hơn các xã hội Hy La thời viễn cổ, và, đối với những người cầm bút vào nửa sau thế kỷ trước thì là Phuyxten đơ Culănggiơ (Fustel de Coulanges) và mô hình “thành bang cổ đại”(2) họ quan tâm đến các cơ cấu “duy lý” (làng, xã, bộ máy chính quyền ở cấp xã...), hơn là đến các cơ cấu tương đối ẩn tàng (những tổ chức “dân gian” như giáp, phe...). Một điều cần nói ngay, để tránh mọi hiểu lầm vô ích, là số lớn những tác giả gọi là “Đông Dương” này, dù dính chặt vào sự kiện và bộ máy thuộc địa, nhưng có lẽ chính bởi vai trò của họ trong bộ máy ấy, đã có nhiều cố gắng để nhìn một cách khách quan làng xã Việt cổ truyền, mà họ không tiếc lời ca ngợi, ví chúng với một số thiết chế “dân chủ” của phương Tây đương đại. Dù sao, con mắt của người sĩ quan đã tham gia công cuộc bình định, của vị viên chức cao cấp ở thuộc địa, của nhà truyền giáo... không thúc đẩy họ quan tâm đúng mức đến cơ sở kinh tế của làng Việt cổ truyền, càng không tạo điều kiện cho họ đặt kiến trúc thượng tầng (trong đó có cơ cấu tổ chức) lên trên cơ sở kinh tế mà xem xét. Điều ngộ nghĩnh

VĂN HOÁ VÀ TỘC NGƯỜI

là những người đầu tiên đả kích thẳng vào cơ cấu cổ truyền của làng xã Việt, đặc biệt làng xã Việt ở Bắc Bộ, mà đả kích lắm lúc sâu cay, lại chính là một số trí thức Việt Nam được đào tạo từ trường học Pháp. Kể ra, không có gì đáng ngạc nhiên: dưới mắt của tầng lớp người ít nhiều đã Âu hóa về mặt tư tưởng và có xu hướng cải lương này, làng xã cổ truyền, với các cổ tục của nó, trong đó không thiếu gì những hủ tục, là một trong những chướng ngại vật lớn nhất trên con đường cải cách (nghĩa là Âu hóa) mà họ mong mỗi yêu cầu(3).

Từ Cách mạng tháng Tám 1945 đến nay, dù đã dần dần thấy được vai trò của làng xã trong lịch sử nói chung, và lịch sử chống ngoại xâm nói riêng của dân tộc, các nhà nghiên cứu Việt Nam quan tâm đến xã hội cổ truyền chỉ mới dành được thì giờ và công sức để bước đầu đi vào cơ sở kinh tế, và một phần của cơ cấu xã hội, phân hợp thể giai cấp. Nội dung của cuộc thảo luận mà Viện Sử học định tổ chức quanh chủ đề làng xã Việt Nam cổ truyền vào đầu những năm 70 là một bằng chứng(4).

Như vậy, cơ cấu tổ chức của làng Việt cổ truyền, trong mối quan hệ biện chứng với cơ sở kinh tế và hợp thể giai cấp, vẫn còn có thể được xem là một khoảng trống cần lấp dần. Mà cũng đã đến lúc phải bắt tay vào lấp, ít nhất cũng vì những mục đích sau đây:

1. Tiến đến một bức tranh toàn cảnh làng Việt cổ truyền

Đây là mục đích chính, có thể nói là định đề mở đầu, mà các mục đích khác chỉ là hệ quả. “Làng” là tế bào sống của xã hội Việt, là “sản phẩm tự nhiên tiết ra từ quá trình định cư và cộng cư của người Việt trồng trọt”(5). Hiểu được làng Việt là có trong tay cơ sở tối thiểu và cần thiết để tiến lên tìm hiểu xã hội Việt

VĂN HOÁ VÀ TỘC NGƯỜI

nói riêng, và xã hội Việt Nam nói chung, trong sức năng động lịch sử của nó, trong ứng xử cộng đồng và tâm lý tập thể của nó, trong các biểu hiện văn hóa của nó, cả trong những phản ứng của nó trước tình huống mà lịch sử đương đại đặt nó vào. Điều đó đã rõ ràng. Nhưng, như vừa nói trên, bức tranh làng Việt cổ truyền của chúng ta còn thiếu nhiều mảng, trong đó, thuộc loại quan trọng nhất, có mảng cơ cấu tổ chức.

Đành rằng cơ cấu tổ chức chỉ ra đời trên một cơ sở kinh tế nhất định. Và trong khuôn khổ của cơ cấu xã hội - chính trị chung mà nó chỉ là một bộ phận. Tuy nhiên, với tư cách một thành phần có tính độc lập tương đối của kiến trúc thượng tầng, nó ảnh hưởng trở lại cơ sở kinh tế và những bộ phận khác của cơ cấu xã hội - chính trị. Chính vì vậy mà chúng ta không mong gì hiểu được cơ sở kinh tế và cơ cấu xã hội - chính trị của “làng xã”(6) cho tương đối trọn vẹn, nếu chưa kịp nói đến cơ cấu tổ chức và tác động ngược lại của nó. Mặt khác, cơ cấu tổ chức của làng Việt cổ truyền (với yếu tố biểu hiện và ẩn tàng hợp thành nó) lại là khung cảnh diễn biến, hơn thế nữa, là điều kiện tâm lý rất phức tạp, mà chỉ riêng cơ sở kinh tế và hợp thể giai cấp chưa đủ để minh giải.

2. Góp phần soi sáng thêm lịch sử dân tộc dưới các triều đại xưa

Càng ngược dòng về những triều đại xưa, chẳng hạn từ thế kỷ XVIII trở về trước, lịch sử Việt Nam càng dung quá nhiều vùng tăm tối. Biên niên sử và các văn bản chữ Hán hiếm hoi còn sót lại đến hôm nay thường chỉ cung cấp được những sự kiện lớn về chính trị, quân sự, thắng hoặc một vài biến cố xã hội. Có vận dụng khéo léo đến mấy tư tưởng lịch sử hiện đại, người viết sử cũng chỉ có thể hiểu rõ hơn bản chất của từng sự kiện hay biến

VĂN HOÁ VÀ TỘC NGƯỜI

cổ được phản ánh, quá lắm là nối liền các sự kiện và biến cố ấy lại thành một sơ đồ tiến hóa ít nhiều đáng tin cậy. Còn như hình dung sao cho cụ thể hơn môi trường diễn biến của các sự kiện và biến cố ấy, đặt giả thuyết để bổ sung thêm những khía cạnh mới cho các sự kiện và biến cố ấy, giải thích những khái niệm mà thư tịch cổ chỉ nêu tên gọi đương thời chứ không trình rõ nội dung(7)...., trước những nhiệm vụ đó chúng ta đành bó tay, giới lắm thì cũng có thể đưa ra một vài ước đoán thiếu cơ sở, mà cả người viết lẫn người đọc đều liệu trước rằng có lẽ sẽ chẳng bao giờ minh xác nổi. Một bức tranh toàn cảnh về làng Việt cổ truyền sẽ cung cấp cho người viết lịch sử dân tộc dưới các triều đại xưa một công cụ tham khảo tốt, để lấy cảm hứng từ đây, mà thử thông những chỗ tắc vừa nêu.

Làng Việt “cổ truyền” nói đây, mà chúng ta đang mong muốn được ngắm trên một bức tranh toàn cảnh, tất nhiên không thể là làng Việt “cổ”, không thể là làng Việt dưới những triều đại xưa. Phương pháp dân tộc học không cho phép ngược dòng thời gian quá xa như thế. Tuy nhiên, làng Việt cổ truyền, dù chỉ cổ truyền dưới dạng được định hình trong thời Nguyễn, triều đại cuối cùng (thế kỷ XIX), và nhất là trong chế độ thuộc địa, nghĩa là vào hôm trước của Cách mạng tháng Tám 1945, vẫn thực sự “cổ truyền” trong chừng mực nó là tế bào của một xã hội Đông phương tiền công nghiệp, mà một trong những đặc điểm lớn là tính ngưng đọng tương đối. Trên bức tranh toàn cảnh về làng Việt cổ truyền, ắt sẽ có nhiều mảng, nhiều nét rất “mới”, những yếu tố ra đời không bao lâu trước mốc thời gian mà ta chọn làm chuẩn khi thăm hỏi dân tộc học. Nhưng, từ tài liệu điền dã (kết hợp với thư tịch cổ) chắc chắn chúng ta cũng sẽ lọc ra được một đôi nét đọng lại (chí ít cũng vọng lại) từ những thời xa xưa hơn. Những dấu tích (hay hồi âm) ấy, đối với người viết cổ sử, có thể

là những gợi ý không thừa, thậm chí những điểm quy chiếu bổ ích, khi mà tài liệu cụ thể do biên niên sử cung cấp đã được dùng hầu cạn. Dù sao, công việc trước mắt là hoàn chỉnh bức tranh toàn cảnh nói trên, bằng cách bổ sung thêm những mảng còn bỏ trống, trong đó có mảng cơ cấu tổ chức.

3. Góp thêm tài liệu thực tế cho cuộc thảo luận chưa chấm dứt về phương thức sản xuất châu Á

Dù được đặt tên là gì, thì cuộc thảo luận về làng xã ở Việt Nam, do Viện Sử học đề xướng cách đây khoảng mười năm(8) vẫn thực tế xoay quanh trục phương thức sản xuất châu Á. Trên đất Việt Nam, có từng tồn tại phương thức sản xuất châu Á hay không? Nếu có, thì phương thức ấy, ở Việt Nam, đã khoác thêm những đặc điểm gì? Nếu không, thì cái gọi là “công xã nông thôn” hay “công xã láng giềng”, ở Việt Nam, thực ra là cái gì, và bằng cách nào đó vẫn lưu lại những dấu tích, còn nhận ra được, cơ tầng xã hội dưới các triều đại được xem là “phong kiến”.

Những câu hỏi cơ bản ấy chưa được giải đáp cho dứt khoát, thì cuộc tranh luận đã tắt đi trong lũng lờ, phần nào có lẽ vì thiếu những tài liệu sống đem về từ thực địa. Những tài liệu thông sử, rút từ thư tịch cổ ra, từ đó soi sáng bằng các công trình về phương thức sản xuất châu Á của nhiều nhà sử học quốc tế đương thời, mới có khả năng giúp đặt vấn đề và gợi lên nhiều câu hỏi mới, chưa đủ sức nặng để giải quyết vấn đề. Ngành khảo cổ học trong nước, bấy giờ đang bận rộn trước những phát hiện mới về thời sơ sử, không tham gia cuộc thảo luận. Ngành dân tộc học, còn trúng nước, chỉ dám tham gia từ xa bằng một hai bản tham luận e dè. Như vậy, chưa thể nói là cuộc tranh luận đã chấm dứt. Nó chỉ tạm ngừng..., hẳn để chờ đợi tài liệu mới. Rồi đây, sẽ có lúc lại bùng lên, tôi tin thế, dù chỉ vì hành trình của ý thức Việt

VĂN HOÁ VÀ TỘC NGƯỜI

Nam từ trên ba mươi năm nay là một cuộc tự tìm trường kỳ, tự tìm không mỗi một, để còn tiến lên nữa. Phải góp tài liệu cần góp vào, có bức tranh thực sự là toàn cảnh về làng Việt cổ truyền, mà ngành dân tộc học Việt Nam có trách nhiệm bổ sung thêm một số mảng, trong đó có mảng cơ cấu tổ chức.

4. Góp phần vào công cuộc điều tra cơ bản để xây dựng nông nghiệp lớn

Vô văn làng Việt ở đồng bằng và trung du Bắc Bộ là những tế bào sống, vốn sinh thành một cách tự nhiên, ra đời mà không phải thông qua bàn tay nặn tạo của chính quyền trung ương, từng tồn tại lâu dài với một diện mạo và cá tính riêng biệt cho từng làng, nên được các triều đại nối tiếp nhau trên đất Việt Nam xem như những “cấu kiện đúc sẵn”: “... Mỗi triều đại, tùy nhu cầu tổ chức hành chính - xã hội của mình, lắp ghép (các cấu kiện ấy) lại theo thiết kế này hay thiết kế kia, xây nên những đơn vị phúc hợp hơn: *nhất xã nhất thôn, nhất xã nhị thôn, nhất xã tam thôn...*”(9). Như vậy, hợp thể và diện mạo của xã có thể đổi thay, làng chẳng vì thế mà thay đổi, nếu ta không tính đến những biến chuyển nhỏ nhặt và khó nhận diện ra hàng giờ trong từng tế bào một. Từ 1945 đến nay, qua hai cuộc kháng chiến, qua Cải cách ruộng đất, rồi phong trào hợp tác hóa, đổi với sinh mệnh của làng cũ, chính quyền cách mạng xử sự không khác trước là bao: “Về mặt phân chia địa vực và tổ chức các đơn vị tự cư, làng cũ vẫn tồn tại”(10). Dù được gọi là *thôn* và đóng vai một thành phần cấu thành của “đại xã” mới(11), dù đã hóa thân thành một hợp tác xã, thậm chí một đội sản xuất hoạt động trong khuôn khổ hợp tác xã toàn xã, từng làng cũ, cho đến nay, vẫn giữ lại diện mạo cơ bản của một tế bào, với một khu đất tự cư riêng, một tên gọi riêng, và ít nhiều truyền thống riêng.

VĂN HOÁ VÀ TỘC NGƯỜI

Chỉ với chủ trương xây dựng nông nghiệp lớn xã hội chủ nghĩa trên nông thôn toàn quốc, do Đại hội Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ IV đề ra, lần đầu tiên trong lịch sử dân tộc, sự tồn tại của làng cũ mới được đặt thành vấn đề. Thực ra, chưa một nghị quyết nào của nhà nước nêu lên việc giải thể làng cũ. Ở cơ sở, đơn vị liên hợp công - nông nghiệp của nông thôn xã hội chủ nghĩa sẽ là huyện. Nhưng, xung quanh thị trấn huyện, với các trụ sở chính trị, văn hóa xí nghiệp công nghiệp của nó, một vùng nông thôn rộng lớn sẽ cần được cấu trúc hóa lại, sao cho thích hợp với phương thức lao động và sinh hoạt của nông nghiệp lớn. Nói đâu xa, một trong những nhu cầu trước mắt, ít nhất cũng theo ý kiến của một số chuyên viên, là dồn những điểm tụ cư lẻ tẻ lại, biến thổ cư cũ thành đất canh tác, nhằm mở rộng diện tích trồng trọt. Trong trường hợp đó, chẳng hạn, còn nên cố giữ diện mạo của từng làng cũ trên đất tụ cư mới, hay phải chẳng cần giải cấu trúc những làng cũ? Giải pháp thứ nhất có lợi đến đâu, có hại đến đâu? Trong chừng mực nào *“tình làng nghĩa nước”*, trong khung cộng cảm của làng cũ, có thể hạn chế tầm nhìn của người nông dân mới, kìm chân họ lại, lôi họ trở về với những ảo vọng hài hòa quen thuộc của thế giới nông thôn cũ? Nếu thực tiễn của nông thôn Việt Nam hiện nay đòi hỏi giải pháp thứ hai, thì phải làm những gì để tạo lại, bằng những hình thức dân tộc quen thuộc với người nông dân Việt Nam, một sợi dây cộng cảm mới, trên vùng đất tụ cư mới?

Để trả lời những câu hỏi trên, và nhiều câu hỏi khác cùng loại (tất sẽ lần lượt nảy ra trong quá trình xây dựng nông nghiệp lớn), chỉ qui chiếu vào nhu cầu trước mắt của đường lối, hay vận dụng lý luận chính trị chung thôi, hẳn là chưa đủ. Còn phải hiểu biết làng cũ trong các thành phần của nó, trong cách gá lắp các thành phần ấy lại với nhau, trong phương thức vận hành của

tổng thể, trong ứng xử tâm lý của những con người đã sống hàng thế kỷ liên trong lòng tổng thể đó. Ở đây hơn ở đâu cả, một bức tranh toàn cảnh về làng Việt cổ truyền là rất cần thiết, trong đó tất nhiên không thể thiếu mảng cơ cấu tổ chức.

II. NHỮNG CHIỀU TỔ CHỨC CỦA LÀNG VIỆT CỔ TRUYỀN

Một trong những điều gây choáng trước tiên cho người đi tìm hiểu làng Việt cổ truyền trên thực địa là tính chất phức tạp của cơ cấu tổ chức. Trong giới hạn của một làng, cư dân nông thôn tự tập hợp lại bằng nhiều hình thức tổ chức khác nhau, mỗi hình thức có chức năng riêng, tiêu chuẩn nhận thành viên riêng. Nhưng, bằng hoạt động của mình, từng hình thức, dù ít nhiều, đều góp phần vào vận hành của làng, xem như một tổng thể. Như vậy, vấn đề cơ cấu tổ chức của làng Việt cổ truyền đòi hỏi người nghiên cứu nó phải lần lượt dò vào từng hình thức tổ chức, trước khi lắp ráp các hình thức ấy lại để thấy cho được vận hành của tổng thể. Nêu lên trước sau từng loại hình một, dừng lại trước nội dung có thể sơ đoán của từng loại hình, bàn qua một hai vấn đề mà nội dung ấy tất yếu đặt ra, tôi muốn nhân thể làm một công đôi việc: khoan dần cách đặt vấn đề nghiên cứu cơ cấu tổ chức của làng Việt cổ truyền, đồng thời, ướm trước đường đi lối lại của dòng lập luận.

A. BA THÔNG SỐ CƠ BẢN

Ba thông số này có liên quan đến cơ sở kinh tế về hợp thể giai cấp của làng Việt cổ truyền. Chúng, tất nhiên, không phải là những hình thức tổ chức, những khía cạnh khác nhau của cơ cấu tổ chức. Tuy nhiên, như đã nói trên, chỉ có thể hiểu được cơ cấu tổ chức “trong mối quan hệ biện chứng với cơ sở kinh tế và hợp thể giai cấp”. Hai nền tảng ấy, để tìm hiểu làng Việt cổ

truyền, thực ra, đã được bước đầu biết đến, đặc biệt là qua những tài liệu và số liệu rút ra từ cuộc Cải cách ruộng đất đã thành công cách đây hơn hai mươi năm, và qua những công trình gần đây hơn về thông sử Việt Nam thời gọi là “phong kiến”. Mặc dầu những dữ kiện do các tài liệu và công trình nói trên cung cấp còn xa mức hoàn chỉnh, còn chứa quá nhiều vùng tranh tối tranh sáng, các nhà chính trị và chuyên viên về cổ sử cũng đã từ đấy lọc ra được một số nhận xét cơ bản. Hãy ghi lại đây ít nhất là ba điều có liên quan trực tiếp đến cơ cấu của làng Việt cổ truyền ở đồng bằng và trung du Bắc Bộ.

1. Chế độ ruộng đất tư, và sự tồn tại của công điền công thổ

Ruộng đất của làng, vốn là công hữu, như chúng ta có quyền giả thiết, đã trải qua một quá trình tư hữu hóa lâu dài. Quá trình này mở màn từ bao giờ, và diễn ra dưới những hình thức cụ thể nào? Không rõ. Về mặt này, biên niên sử của ta cũng khá mơ hồ. Căn cứ vào lời giảng của các chuyên viên về cổ sử (xem Phụ lục I), tôi xin ghi lại sau đây một số mốc nối tiếp nhau đánh dấu quá trình nói trên:

- Thế kỷ XII: Vua Lý Thần Tông quy định một số thể thức pháp lý về việc mua bán ruộng đất giữa tư nhân và tư nhân. Điều đó chứng tỏ rằng, từ trước đấy, đã có ruộng đất tư (hẳn chưa nhiều) và hiện tượng mua bán ruộng tư;

Thế kỷ XIII: Vua Trần Thái Tông, không rõ vì lý do gì, bán một số “quan điền” (mà có nhà sử học hiểu là ruộng công của làng) cho tư nhân;

- Đầu thế kỷ XV: Để phục hồi nông nghiệp sau chiến tranh giải phóng dân tộc, vua Lê Thái Tổ cho nhập ruộng hoang vắng chủ vào ruộng công của làng (“quan điền”). Thế là một số ruộng